

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2020/DS-PT

Ngày: 27-11-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16/11/2020 và 27/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 425/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Kim L, sinh năm 1973; địa chỉ: đường S, Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968

2.2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: đường P, Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H: Anh Đặng Minh T1, sinh năm 1981; địa chỉ: đường số T, Tổ M, khu phố B, phường P, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Hà Thị Kim L trình bày: Do quen biết nên bà Hà Thị Kim L có cho ông T, bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể các lần như sau:

Ngày 20/3/2017 cho vay 130.000.000đ, biên nhận bà H ký tên;

Ngày 01/01/2018 cho vay 375.000.000đ, biên nhận ông T ký tên;

Ngày 01/9/2018 cho vay 500.000.000đ, biên nhận ông T ký tên;

Ngày 08/12/2018 cho vay 50.000.000đ, biên nhận ông T ký tên.

Tổng số tiền cho vay là 1.055.000.000đ, các lần vay đều không có thỏa thuận thời hạn, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Mục đích ông T, bà H vay tiền để làm vốn. Từ khi bắt đầu vay tiền đến nay ông T, bà H có đóng lãi nhiều lần cho bà L số tiền tổng cộng 228.000.000đ, các lần đóng lãi không có làm biên nhận nên bà L không nhớ ngày tháng cụ thể. Tháng 9/2019, bà L yêu cầu trả tiền vay thì ông T, bà H hẹn nhiều lần mà không trả nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà L yêu cầu ông T và bà H liên đới trả số tiền vay tổng cộng 1.055.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với kết luận giám định số 631 ngày 13/7/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp thì bà L đồng ý.

- Ông Đặng Minh T1 trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của bà L, vì ông T, bà H không có vay tiền của bà L. Ông T, bà H không thừa nhận chữ ký tên và viết họ tên trong 4 biên nhận. Tuy nhiên, Kết luận giám định số 631 ngày 13/7/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp thì bị đơn không có ý kiến về nội dung kết luận giám định, không có yêu cầu giám định lại. Trường hợp vụ án có phát sinh nghĩa vụ thì biên nhận của ai ký thì người đó có nghĩa vụ trả, người kia không đồng ý liên đới.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Kim L.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà L số tiền vốn vay 1.055.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Trương Thị H liên đới trả nợ.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T nộp 43.650.000đ án phí DSST.

Bà Hà Thị Kim L nộp 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 21.825.000đ theo biên lai thu số 0004447 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bà L nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại 21.525.000đ.

Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn T chịu toàn bộ tiền chi phí giám định 6.150.000đ, số tiền này nguyên đơn bà L đã nộp tạm ứng và chi xong nên thu của ông T 6.150.000đ trả lại cho bà L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/8/2020, ông Đặng Minh T1 đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T kháng cáo không đồng ý trả nợ cho bà L, yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Hà Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung chứng cứ mới và yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Xuất phát từ chỗ quen biết nên bà L có cho ông T vay tiền tổng cộng 1.055.000.000đ, mục đích ông T vay tiền để là ăn, trong biên nhận có chữ ký ghi họ tên ông T đầy đủ và giao cho bà L cất giữ. Ông T không thừa nhận vay tiền của bà L và cũng không thừa nhận là chữ ký ghi họ tên trong biên nhận nợ là của ông T.

Tại Kết luận giám định số 631/KL-KTHS ngày 13/7/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

“ 1. Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên Trương Thị H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Trương Thị H trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M2 đến M6 không phải do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ viết họ tên Trương Thị H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết của Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 do cùng một người viết ra ”

Như vậy có đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh ông T đã vay tiền của bà L, vì vậy buộc ông T trả bà L số tiền vốn vay 1.055.000.000đ là hợp lý. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà L, buộc ông T trả số tiền trên là có căn cứ. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà L khởi kiện đối với ông T, bà H về việc yêu cầu trả nợ theo hợp đồng vay tài sản. Do đó, Tòa án thành phố S thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Ông T, bà H ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020), đồng thời ông T đã ủy quyền cho ông T1

được quyền kháng cáo và việc kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Nay ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nên xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Xét thấy, ông T1 đại diện cho ông T kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm xử buộc ông T trả nợ cho bà L là không có cơ sở, bởi vì:

Bà L trình bày, ông T và bà H (vợ chồng ông T) là bạn của bà L, do tin tưởng nhau nên bà L cho vay tiền nhiều lần để vợ chồng ông T làm vốn kinh doanh, vay không phải thế chấp tài sản, không quy định thời hạn nhưng khi cần tiền thì bà L báo cho bên vay biết trước 02 tháng, lãi suất 3%/tháng. Nay bà L yêu cầu vợ chồng ông T trả số tiền vốn vay là 1.055.000.000đ, được thể hiện tại các biên nhận ngày 20/3/2017 vay 130.000.000đ, ngày 01/01/2018 vay 375.000.000đ, ngày 01/9/2018 vay 500.000.000đ, ngày 08/12/2018 vay 50.000.000đ. Ông T1 cho rằng, ông T không có vay tiền của bà L, không thừa nhận việc ông T lập các biên nhận do bà L cung cấp và ông T cũng không có ký tên vào các biên nhận nói trên. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký của ông T.

Đối với biên nhận ngày 01/01/2018, ngày 01/9/2018 và ngày 08/12/2018: Theo nội dung các biên nhận thể hiện ông T là người nhận tiền vay tổng cộng là 925.000.000đ và đã ký tên ghi họ tên của ông T là người vay tiền. Theo kết quả giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, đã kết luận chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn T trên các biên nhận so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra (Kết luận giám định số 631/KL-KTHS ngày 13/7/2020). Qua đó cho thấy, ông T đã nhận số tiền vay của bà L, nên phải có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là có cơ sở.

Đối với biên nhận ngày 20/3/2017: Nội dung biên nhận thể hiện người lập biên nhận ký tên ghi họ tên là Trương Thị H, tuy nhiên kết quả giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, đã kết luận chữ ký tên và viết họ tên Trương Thị H tại mục người nhận tiền là không phải do bà H viết và ký tên, mà tại mục này chữ viết họ tên Trương Thị H là chữ viết của ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L trình bày là vợ chồng ông T vay tiền nhưng bà H hỏi vay, vì cùng bạn nữ với nhau thuận tiện trong việc nói chuyện. Khi bà L mang tiền đến giao thì bà H đưa biên nhận đã viết sẵn đúng số tiền như đã thỏa thuận và do tin tưởng bạn thân nên chấp nhận việc viết sẵn biên

nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa và đã triệu tập hợp lệ ông T, bà H để trực tiếp có mặt tại phiên tòa ngày 27/11/2020, để thực hiện việc đối chất lời khai làm rõ quá trình giao dịch, đánh giá chứng cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của ông T. Bà H, ông T đều vắng mặt không có lý do nên chấp nhận chứng cứ do bà L cung cấp là phù hợp quy định của pháp luật, cụ thể ông T là người viết biên nhận phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền theo biên nhận vay 130.000.000đ.

Bà L trình bày, hai bên thống nhất vay không thời hạn, khi bên cho vay có yêu cầu thì bên vay phải trả đủ vốn lãi (ông T1 khai là ông T không có vay nên không có ý kiến về vấn đề này) và biên nhận cũng không thể hiện thỏa thuận thời hạn vay. Nay ông T không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Vì vậy, ông T có trách nhiệm thanh toán tiền vốn vay cho bà L là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Đối với tiền lãi: Bà L khai lãi suất cho vay là 3%/tháng, nhưng bên vay thanh toán tiền lãi hàng tháng không đầy đủ, không đúng thời hạn, không nhớ ngày trả lãi và bà L thừa nhận tiền lãi đã trả là 228.000.000đ. Nay bà L đồng ý chỉ nhận tiền lãi 228.000.000đ, không yêu cầu trả lãi tiếp tục. Nhận thấy, nếu áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng và tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm thì số tiền lãi mà ông T phải trả lớn hơn số tiền 228.000.000đ, nên việc bà L không yêu cầu trả lãi tiếp là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Ông T phải chịu chi phí giám định 6.150.000đ (do bà L tạm ứng, nên ông T phải hoàn trả lại cho bà L).

[5] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí: Ông T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hà Thị Kim L.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà Hà Thị Kim L số tiền 1.055.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Kim L về việc yêu cầu bà Trương Thị H liên đới trách nhiệm với ông Nguyễn Văn T trả nợ.

Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 6.150.000đ, để hoàn trả lại cho bà L.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 43.650.000đ.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0008271 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Hà Thị Kim L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 21.825.000đ theo biên lai thu số 0004447 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng còn thừa là 21.525.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp. S;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng